

Bình Dương, ngày 03 tháng 10 năm 2020

THÔNG BÁO
ĐIỂM TRÚNG TUYỂN VÀ THỦ TỤC NHẬP HỌC ĐẠI HỌC
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2020

- Dành cho phương thức xét Học bạ và Tuyển thẳng học sinh giỏi đợt 3
- Dành cho xét kết quả thi Đánh giá năng lực ĐHQG-HCM

1. Điểm chuẩn trúng tuyển

Stt	Ngành học	Mã Ngành	Điểm chuẩn trúng tuyển xét điểm ĐGNL	Điểm chuẩn trúng tuyển Xét học bạ đợt 3
1	Quản trị Kinh doanh (đã đạt chuẩn AUN-QA)	7340101	600	-
2	Kỹ thuật Phần mềm (đã đạt chuẩn AUN-QA)	7480103	500	18
3	Kỹ thuật Điện (đã đạt chuẩn AUN-QA)	7520201	500	18
4	Hóa học (đã đạt chuẩn AUN-QA)	7440112	500	18
5	Tài chính - Ngân hàng	7340201	500	18
6	Kế toán	7340301	600	-
7	Quản lý Công nghiệp	7510601	500	18
8	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	550	-
9	Ngôn ngữ Anh	7220201	550	19
10	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	600	-
11	Công nghệ Thông tin	7480201	550	-
12	Hệ thống Thông tin	7480104	500	18
13	Kỹ thuật Xây dựng	7580201	500	18
14	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	500	18
15	Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114	500	18
16	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	500	-
17	Thiết kế Đồ họa	7210403	500	18
18	Kiến trúc	7580101	500	18
19	Kỹ nghệ gỗ (Công nghệ Chế biến Lâm sản)	7549001	500	18
20	Quy hoạch Vùng và Đô thị + Quy hoạch đô thị + Kiến trúc cảnh quan và Kỹ thuật hạ tầng đô thị	7580105	500	18
21	Khoa học Môi trường	7440301	500	18
22	Toán kinh tế	7310108	500	18
23	Công nghệ Thực phẩm	7540101	500	18

24	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	500	18
25	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	7850101	500	18
26	Quản lý Nhà nước	7310205	500	18
27	Quản lý Đất đai	7850103	500	18
28	Chính trị học	7310201	500	18
29	Luật	7380101	550	-
30	Du lịch	7810101	500	18
31	Quốc tế học	7310601	500	18
32	Tâm lý học	7310401	500	18
33	Công tác Xã hội	7760101	500	18
34	Văn hóa học	7229040	500	18
35	Địa lý học	7310501	500	18
36	Văn học	7229030	500	18
37	Lịch sử	7229010	500	18
38	Giáo dục học	7140101	500	18
39	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	500	18
40	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	7480205	500	18
41	Quản lý Đô thị	7580107	500	18
42	Âm nhạc	7210405	500	18
43	Mỹ thuật	7210407	500	18
44	Giáo dục Mầm non (đã đạt chuẩn kiểm định MOET)	7140201	800	24
45	Giáo dục Tiểu học (đã đạt chuẩn kiểm định MOET)	7140202	700	-
46	Sư phạm Ngữ Văn (đã đạt chuẩn kiểm định MOET)	7140217	800	-
47	Sư phạm Lịch sử (đã đạt chuẩn kiểm định MOET)	7140218	800	-

Ghi chú: Điểm chuẩn trúng tuyển trên là điểm không nhân hệ số, khu vực 3 và không thuộc diện ưu tiên.

2. Thời gian làm thủ nhập học

- Từ ngày 06/10/2020 đến 17h00 ngày 10/10/2020

- Quá thời hạn này, thí sinh không đến làm thủ tục nhập học được hiểu là từ chối nhập học và kết quả trúng tuyển không còn giá trị.

3. Thời gian bắt đầu học chính thức

- Ngày 11/10/2020 tân sinh viên đến trường để dự buổi đón Tân sinh viên của Chương trình đào tạo/Khoa.

- Ngày 12/10/2020 Tân sinh viên bắt đầu học chính thức theo thời khóa biểu (sẽ ghi chi tiết hướng dẫn trên Giấy vào lớp).

4. Hồ sơ, lệ phí, học phí và BHYT phải nộp khi nhập học

4.1. Hồ sơ bao gồm:

- (1) Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020 (bản có mộc đỏ, chỉ yêu cầu đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2020, đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2020 không yêu cầu).
- (2) Bản chính giấy chứng nhận kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh (Nếu xét kết quả ĐGNL)
- (3) Học bạ, để đối chiếu với kết quả xét tuyển (01 bản photo không cần công chứng)
- (4) Bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đối với thí sinh đã tốt nghiệp trước năm 2020; hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2020 (01 bản photo không cần công chứng)
- (5) Chứng minh nhân dân (02 bản photo không cần công chứng)
- (6) Thẻ bảo hiểm Y tế (01 bản photo không cần công chứng)
- (7) Giấy tờ ưu tiên (để đối chiếu điểm ưu đối tượng) nếu có (01 bản photo không cần công chứng)

4.2. Lệ phí, học phí và BHYT phải nộp: (đơn vị tính: đồng)

Stt	Ngành	Học phí học kỳ 1	BHYT bắt buộc	Lệ phí nhập học	Tài liệu học tập	Tổng tiền phải nộp
1	Giáo dục học	2,943,000	141,000	70,000	260,000	3,414,000
2	Giáo dục Mầm non	Không thu	141,000	70,000	260,000	471,000
3	Giáo dục Tiểu học	Không thu	141,000	70,000	260,000	471,000
4	Sư phạm Ngữ văn	Không thu	141,000	70,000	260,000	471,000
5	Sư phạm Lịch sử	Không thu	141,000	70,000	260,000	471,000
6	Thiết kế Đồ họa	5,850,000	141,000	70,000	260,000	6,321,000
7	Luật	3,270,000	141,000	70,000	260,000	3,741,000
8	Kế toán	3,760,500	141,000	70,000	260,000	4,231,500
9	Quản trị Kinh doanh	3,433,500	141,000	70,000	260,000	3,904,500
10	Tài chính - Ngân hàng	3,760,500	141,000	70,000	260,000	4,231,500
11	Hóa học	3,900,000	141,000	70,000	260,000	4,371,000
12	Khoa học Môi trường	3,900,000	141,000	70,000	260,000	4,371,000
13	Công nghệ Thông tin	4,036,500	141,000	70,000	260,000	4,507,500
14	Công nghệ Thực phẩm	4,290,000	141,000	70,000	260,000	4,761,000
15	Kỹ thuật Phần mềm	4,036,500	141,000	70,000	260,000	4,507,500
16	Kỹ thuật Cơ điện tử	3,861,000	141,000	70,000	260,000	4,332,000
17	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	3,861,000	141,000	70,000	260,000	4,332,000

18	Hệ thống Thông tin	4,036,500	141,000	70,000	260,000	4,507,500
19	Quản lý Công nghiệp	4,251,000	141,000	70,000	260,000	4,722,000
20	Kỹ thuật điện	3,861,000	141,000	70,000	260,000	4,332,000
21	Kỹ thuật Xây dựng	3,510,000	141,000	70,000	260,000	3,981,000
22	Kiến trúc	4,212,000	141,000	70,000	260,000	4,683,000
23	Quy hoạch Vùng và Đô thị	5,265,000	141,000	70,000	260,000	5,736,000
24	Công nghệ Chế biến Lâm sản	3,510,000	141,000	70,000	260,000	3,981,000
25	Toán kinh tế	3,120,000	141,000	70,000	260,000	3,591,000
26	Ngôn ngữ Anh	4,414,500	141,000	70,000	260,000	4,885,500
27	Ngôn ngữ Trung Quốc	4,087,500	141,000	70,000	260,000	4,558,500
28	Công tác Xã hội	4,251,000	141,000	70,000	260,000	4,722,000
29	Tâm lý học	3,597,000	141,000	70,000	260,000	4,068,000
30	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	3,900,000	141,000	70,000	260,000	4,371,000
31	Quản lý Nhà nước	3,760,500	141,000	70,000	260,000	4,231,500
32	Quản lý Đất đai	3,597,000	141,000	70,000	260,000	4,068,000
33	Địa lý học	4,251,000	141,000	70,000	260,000	4,722,000
34	Quốc tế học	4,251,000	141,000	70,000	260,000	4,722,000
35	Chính trị học	4,251,000	141,000	70,000	260,000	4,722,000
36	Văn hóa học	3,270,000	141,000	70,000	260,000	3,741,000
37	Công nghệ kỹ thuật ô tô	3,861,000	141,000	70,000	260,000	4,332,000
38	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	3,433,500	141,000	70,000	260,000	3,904,500
39	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	3,900,000	141,000	70,000	260,000	4,371,000
40	Du lịch	3,270,000	141,000	70,000	260,000	3,741,000
41	Lịch sử	4,251,000	141,000	70,000	260,000	4,722,000
42	Văn học	4,251,000	141,000	70,000	260,000	4,722,000
43	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	3,861,000	141,000	70,000	260,000	4,332,000
44	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	4,036,500	141,000	70,000	260,000	4,507,500
45	Quản lý Đô thị	3,861,000	141,000	70,000	260,000	4,332,000
46	Âm nhạc	4,578,000	141,000	70,000	260,000	5,049,000
47	Mỹ thuật	4,905,000	141,000	70,000	260,000	5,376,000

Đối với Bảo hiểm y tế (BHYT): Trường hợp sinh viên có thẻ BHYT còn thời hạn sử dụng, Nhà trường sẽ hoàn trả lại số tiền đã nộp trước 31/12/2020. Trường hợp không có thẻ BHYT hoặc hết hạn sử dụng sẽ được nhà trường mua BHYT mới.

5. Các bước làm thủ tục nhập học

+ Bước 1: Nộp các loại giấy tờ sau:

- Nộp học bạ và nộp Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (để kiểm tra và đối chiếu với kết quả xét tuyển);
- Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020 (bản có mộc đỏ, chỉ yêu cầu đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2020, đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2020 không yêu cầu);
- Bản chính giấy chứng nhận kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh (Nếu xét kết quả ĐGNL)
- Giấy tờ ưu tiên (để đối chiếu điểm ưu đối tượng) nếu có
- Nhận Giấy thông báo trúng tuyển.

+ Bước 2: Nộp học phí, Bảo hiểm Y tế (BHYT) và lệ phí

+ Bước 3: Nhận giấy vào lớp

+ Bước 4: Sinh viên ghi tờ khai thông tin mua BHYT và nộp 01 bản photo CMND, 01 bản photo thẻ BHYT tế.

+ Bước 5: Nhận tài liệu học tập và hồ sơ sinh viên

+ Bước 6: Đăng ký tìm chỗ ở cho tân sinh viên có nhu cầu

Lưu ý:

- + Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, nhà trường không giải quyết việc rút lại hồ sơ và học phí đã nộp.
- + Trường sẽ từ chối nhập học nếu thông tin kê khai đăng ký xét tuyển không đúng.

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH